

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn 5, Đồng Tân, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 5, Đồng Tân, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: vắng mặt chị N, anh V (chị N xin vắng mặt, anh V vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn V vào ngày 18/01/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì gần đây giữa chị và anh V có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi vã. Hiện nay anh chị đang sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn V có hai con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 và Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016. Hiện nay cháu C đang ở cùng với chị, cháu L đang ở cùng với anh V. Chị có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu C và để anh V nuôi dưỡng cháu L. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh V đến làm việc nhưng anh V vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/7/2020 ông Lê Văn V là bố đẻ của anh Lê Văn V trình bày nội dung: Con trai ông anh Lê Văn V có kết hôn với chị Trần Thị N năm 2014, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh, chị được ông cho ra ở riêng. Trong quá trình chung sống giữa anh V và chị N không có mâu thuẫn gì lớn, anh V đi làm ăn xa trên Hà Nội, chị N ở nhà có tự ý xăm hình sau đó chụp ảnh đăng lên mạng dẫn đến việc anh V không đồng ý, từ đó giữa anh V và chị N xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Yên Cường sinh sống mà không hỏi han gì ý kiến gia đình ông. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án anh V và gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh V đã biết việc chị N làm đơn ly hôn anh tại Tòa án, nhưng do bận công việc nên anh V không lên Tòa án làm việc được. Về phía gia đình ông xác định đây là việc riêng của anh V, chị N gia đình chỉ biết tác động, khuyên bảo. Về con chung, anh V và chị N có hai con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 và Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị N, cháu L đang ở cùng anh V. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N không có gì.

Về phía địa phương cho biết: Chị Trần Thị N có đăng ký kết hôn với anh Lê Văn V tại UBND xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 18/01/2014 theo giấy chứng nhận kết hôn UBND xã Yên Lộc cấp thì thông tin của chị Trần Thị N do sơ xuất nên bị sai năm sinh. Trong giấy đăng ký kết hôn do UBND xã Yên Lộc cấp thể hiện chị Trần Thị N sinh năm 1994 tuy nhiên chị Trần Thị N theo căn cước công dân số 036196002398 cấp ngày 07/12/2017 thì chị N sinh năm 1996 là đúng.

Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại buổi làm việc chị N có mặt, anh V vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ cho anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị N xin giải quyết vắng mặt. Anh V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị N đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Trần Thị N thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Lê Văn V có nơi cư trú tại thôn 5, Đồng Tân, xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh, chị bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã và hiện nay đang sống ly thân nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với anh V. Về phía anh V, anh biết việc chị N xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh V vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị N nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh V vẫn vắng mặt. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh V nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh V có hai con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 và Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị N, cháu L đang ở cùng anh V. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Hội đồng xét xử thấy để san sẻ trách nhiệm của anh chị với con chung, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên giao cho anh, chị mỗi người nuôi một con chung theo nguyện vọng của cả hai bên là phù hợp. Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 17/8/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Bảo L, sinh ngày 06/5/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng giao. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị N phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001472 ngày 13/7/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- C cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Yên Lộc: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh